

Lệ Lý

Nhật Ký **Đặng Thùy Trâm**, Bộ Mặt Thật Của Cuộc Chiến Vừa Qua

Vào khoảng giữa năm 2005, một hiện tượng “văn học” làm xôn xao giới đọc sách trong nước, đó là quyển “Nhật Ký Đặng Thùy Trâm”. Chỉ trong vòng mấy tháng, số sách bán ra cả trăm nghìn cuốn. Mỗi cuốn 43.000 đồng Việt Nam (gần ba đô la Mỹ). Trăm nghìn cuốn, thành bạc tỉ. Món lợi quá lớn!

Để tiện cho bạn đọc theo dõi, chúng tôi xin lần lượt trình bày các điểm chính sau đây:

- (1) Nhận diện cuộc chiến tương tàn tại miền Nam từ năm 1954 đến 1975.
- (2) Sự phát hiện “Nhật Ký Đặng Thùy Trâm”.
- (3) Nội dung tập nhật ký. Những phản tác dụng, mà chính quyền cộng sản Việt Nam không ngờ trong tuyên truyền khi cho phát hành tập nhật ký này.

1 - Nhận diện cuộc chiến tương tàn tại miền Nam từ 1954 đến 1975.

- Ngày 23.12.1929 Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh), với tư cách đại diện Cộng Sản Quốc Tế, đến Hương Cảng triệu tập một đại hội tại Cửu Long để thống nhất đảng (Đông Dương Cộng Sản Đảng, An Nam Cộng Sản Đảng và Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn). Sau ba ngày thảo luận, hai đảng đã hợp chung (Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn không đến họp) thành Việt Nam Cộng Sản Đảng (1930). Về sau Đông Phương Bộ (Cộng Sản Quốc Tế) chỉ thị cho Hồ Chí Minh đổi Việt Nam Cộng Sản Đảng thành Đông Dương Cộng Sản Đảng, coi tổ chức này là một chi bộ độc lập của Cộng Sản Quốc Tế. Như vậy âm mưu nhuộm đỏ Đông Dương của Cộng Sản Quốc Tế phát sinh từ năm 1930, trao trách nhiệm này cho Hồ Chí Minh.

- Theo hiệp định đình chiến Giơ-ne-vơ 1954, quân Việt Cộng phải rút hết về phía Bắc vĩ tuyến 17. Nhưng Việt Cộng đã gài cán bộ lại tại miền Nam. Ngay cả Lê Duẩn cũng giả vờ lên tàu Ba Lan, nhưng khuya đó lại xuống xuống quay lại bờ, tiếp tục điều khiển các tổ chức Việt Cộng nằm vùng trong âm mưu xâm lăng miền Nam.

- Trước khi tập kết ra Bắc, Tại miền Nam, bộ đội Việt Cộng được dẫn đi khắp các vùng thôn quê, tổ chức đám cưới cấp tốc. Mỗi cán binh, bộ đội có nhiều vợ tại nhiều địa phương khác nhau.

Mục đích “cấy giống” để sau này có cơ sở ẩn nấp mà hoạt động chống phá miền Nam. Đồng bào miền Nam ở thôn quê ít học, lạt lòng, cả tin nên dễ bị Việt Cộng tuyên truyền lừa bịp. Cứ biểu dương người này anh hùng, người kia dũng sĩ... rồi Đất Thép, Thành Đồng, Đồng Khởi, đội quân tóc dài... Thế là họ bị đẩy ra phía trước, hăng hái tàn sát đồng bào mình, lập công dân đảng (!). Giật mìn xe dò, pháo kích vào trường học (Cai Lậy), chôn sống người dân vô tội (Mậu Thân Huế).

- Tháng 1 năm 1959 hội nghị trung ương đảng Cộng Sản Việt Nam họp lần thứ 15 tại Hà Nội đã đưa ra nghị quyết thôn tính miền Nam. Bộ Chính Trị đảng Cộng Sản Việt Nam quyết định thành lập đường vận tải trên bộ để chuyển vận vũ khí, lương thực vào Nam, lấy tên là Đường 559. Đại Tá Việt Cộng Võ Bẩm được chỉ định vào Trường Sơn, tìm con đường giao thông quân sự đặc biệt này. Tháng 7 năm 1959, Hà Hội lại cho lập thêm đường vận tải trên biển mang tên là Đường 759.

- Sau năm 1954 người Pháp đã rút toàn bộ khỏi Việt Nam. Không một lực lượng quân sự ngoại quốc nào hiện diện tại Việt Nam. Việt Nam không có nhu cầu giải phóng. Như vậy việc chống Mỹ để nhuộm đỏ thế giới là kế hoạch của Cộng Sản Nga Tàu. Đó không phải là nhiệm vụ của Việt Nam. Nhưng Hồ Chí Minh,

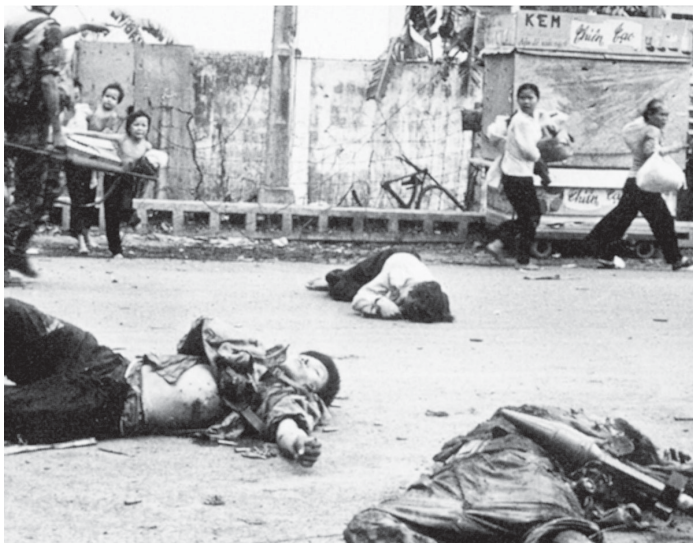


(từ năm 1930), đã tự nguyện làm tên lính xung kích cho Cộng Sản Quốc Tế, nhận vũ khí, đạn dược của Nga, Tàu, lừa thanh niên miền Bắc vào Nam, thi đua với “đế quốc” Mỹ, trút bom đạn lên đầu người dân Việt. Rồi miền Bắc cũng bị bom đạn Mỹ tàn phá, giết chóc. Mỹ đổ quân vào Việt Nam không nhằm chiếm thuộc địa, cũng không để khai thác bóc lột người Việt. Cộng Sản mở chiến trường ở Việt Nam thì Mỹ đến đánh nhau với Cộng Sản. Hồ chí Minh và tập đoàn phát động chiến tranh giải phóng, chống Mỹ cứu nước chỉ là chiêu bài để che đậy vai trò “Mũi nhọn tiến công” mà đàn anh Nga Tàu giao phó.

- Trong trận Mậu Thân 1968, Việt Cộng xua lực lượng vũ trang của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam ra trước mũi súng của quân Mỹ và quân Việt Nam Cộng Hòa để bị tiêu diệt hàng trăm nghìn người. Trong cuộc chiến xâm lăng Căm-bu-chia, Việt Cộng cũng đẩy thanh niên miền Nam vào chiến trường để bị giết hàng chục nghìn người. Con cái quân cán chính Việt Nam Cộng Hòa đang tù cải tạo cũng được đưa đi tham chiến nhưng bị xếp loại C, D nên không được phát súng đạn.

Mục đích triệt tiêu tiềm lực nhân dân miền Nam, đề phòng phản kháng chống đảng Cộng Sản.

Như vậy, âm mưu thôn tính miền Nam Việt Nam (và cả Đông Dương) của Cộng Sản đã có trước khi Mỹ đổ bộ vào Việt Nam. Nhân dân miền Nam Việt Nam đang sống trong thanh bình, no ấm, không bị thực dân, đế quốc nào xâm lăng, đô hộ, họ không bao giờ cần Cộng Sản Bắc Việt giải phóng. Họ không gây chiến với miền Bắc. Họ chiến đấu để bảo vệ miền Nam tự do. Họ không làm tay sai cho đế quốc Mỹ. Người Mỹ tiếp tay với nhân dân miền Nam chống Cộng Sản



nhuộm đỏ miền Nam và Đông Dương. Năm 1975, Mỹ tiêu thụ hết vũ khí, đạn dược (lỗi thời) tồn kho, rút quân bỏ chạy. Liên Xô, vì thi đua với Mỹ trong chiến tranh Việt Nam, chiến tranh Afganistan, chiến tranh giữa các vì sao, bị phá sản, quay về với tư bản chủ nghĩa. Cộng Sản Việt Nam “mất chủ”!. Đổ Mưỡi qua Trung Quốc, xin Trung Quốc lãnh đạo mấy nước cộng sản còn lại, nhưng Trung Quốc đã vứt chủ nghĩa Mác, Lê vào sọt rác rồi. Nhưng biết Cộng Sản Việt Nam vốn có máu nô lệ, không có chủ thì không yên tâm, nên Trung Quốc bắt chẹt. Trước hết, họ dạy cho Cộng Sản Việt Nam một bài học (1979), sau đó mới bắt Cộng Sản Việt Nam cắt đất, dâng biển mới nhận bảo trợ cho đàn em khi có biến động. Nghĩa là hễ nhân dân Việt Nam có nổi lên làm cách mạng thì Trung Quốc sẽ ra tay che chở, kiểu như Tôn Sĩ Nghị đem quân chiếm Việt Nam, cứu Lê Chiêu Thống vậy.

Cộng Sản Việt Nam, sau khi hi sinh cả chục triệu sanh linh (Nhà văn Dương Thu Hương đã phát biểu như vậy), chiếm được miền Nam, họ mới để lộ bản chất thực dân đối với dân miền Nam, còn hơn thực dân Pháp nữa. Họ cướp sạch, phá sạch. Bao nhiêu của cải từ vàng (17 tấn) đến đồ cổ, đến dụng cụ văn phòng) họ chở hết ra Bắc. Dem cán bộ đảng viên từ Bắc vào chiếm của cải, nhà cửa, ruộng vườn của dân miền Nam. Đưa đàn ông, thanh niên miền Nam đi tù cải tạo cho chết dần trong đó, đẩy gia đình quân, cán, chính của chính quyền miền Nam lên kinh tế mới. Họ đã làm y hệt như năm 1954 khi tiếp thu Hà Nội và các tỉnh thành miền Bắc. Cũng đẩy người Hà Nội ra khỏi Hà Nội, cũng cải cách công thương nghiệp, cũng cải cách ruộng đất, hợp tác hóa nông nghiệp...

Với xương máu của hàng triệu sanh linh đã hi sinh để cho khoảng chục nghìn đảng viên có vây cánh, thế lực (hiện nay) ngồi trên đầu hơn tám chục triệu người dân (và đảng viên thường), mặc sức bán tài nguyên đất nước cho tư bản nước ngoài lấy đô la bỏ túi, bòn rút ngân sách quốc gia, hoành hợe nhân dân, quần chúng để ăn hối lộ. Từ trung ương xuống đến cơ sở, cả một guồng máy của đảng thi nhau tham nhũng. Cả đến “quan thanh tra tham nhũng” cũng tham nhũng!

Trong chiến tranh Việt Nam vừa qua, hệ thống tuyên truyền, nhồi sọ của Cộng Sản đã lừa bịp (cùng với khống chế, áp lực, khủng bố) tuổi trẻ miền Bắc khiến họ tưởng lên Trường Sơn, vào miền Nam chiến đấu dễ dàng lắm.

- “Đồng bào miền Nam đang đấu tranh thắng lợi, đã đánh đổ Mỹ, Ngụy, chỉ chờ chúng ta vào tiếp thu là hoàn thành sứ mạng giải phóng”.

Có những bài hát đã tiểu thuyết hóa, lãng mạn hóa cuộc chiến đến độ thanh niên miền Bắc cứ tưởng vào Nam như đi picnic.

- “Cùng mắc võng trên rừng Trường Sơn, hai đứa ở hai đầu xa thăm. Đường ra trận mùa này đẹp lắm. Trường Sơn Đông nhớ Trường Sơn Tây... Nước khe cạn bướm bay ghềnh đá, biết lòng anh say miền đất lạ, Trường Sơn Đông Nhớ Trường Sơn Tây...” (Bài hát “Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây”).

Họ không ngờ đã vào là không cách nào trở ra mà chỉ có chết. “Sinh Bắc Tử Nam”. Chính vì những bài hát, những bài



thơ, những chuyện ngắn, chuyện dài kiểu đó đã đánh lừa cô Thùy Trâm, khiến cô xung phong vào Nam để hi vọng cùng người yêu M. mắc võng trên rừng Trường Sơn, ngắm bướm bay ghềnh đá!

*

Để đi vào phần chính là “Nhật Ký Đặng Thùy Trâm”, chúng tôi xin được trích đăng những đoạn trong nhật ký (với số trang, viết là tr.), do nhà xuất bản Hội Nhà Văn phát hành, Cục Xuất Bản cấp số đăng ký ngày 5-7-2005.

2- Sự phát hiện “Nhật Ký Đặng Thùy Trâm”.

“Trong một trận tập kích vào một “căn cứ của Việt Cộng”, sau khi tiếng súng đã im, đơn vị của Fred tiến vào và nhận thấy đây là một bệnh viện nhỏ. Có rất nhiều lán trại, nhiều phòng - rõ ràng là phòng bệnh, cả một phòng mổ đã chiến. Có vẻ mọi người trong bệnh viện đã vội vã đi khỏi ngay trước khi quân Mỹ ập tới và không kịp mang theo tài liệu.

Theo quy định của quân đội Mỹ, mọi tài liệu của địch thu được trên chiến trường phải chuyển lại cho bộ phận quân báo nghiên cứu. Hôm đó Fred thu nhật được rất nhiều tài liệu. Cùng với thông dịch viên người Việt, Fred chọn lọc các tài liệu có giá trị quân sự, số còn lại vất vào đống lửa tiêu hủy.

Fred đang đốt những tài liệu loại bỏ thì thượng sĩ Nguyễn Trung Hiếu - thông

dịch viên của đơn vị - cầm một cuốn sổ nhỏ đến cạnh anh và nói “Fred, đừng đốt cuốn sổ này. Bản thân nó đã có lửa rồi”. Fred chưa hiểu đó là cuốn sổ gì, nhưng về xúc động của Hiếu và việc Hiếu có thể kính trọng đến cả đối phương tác động rất mạnh đến anh, Fred bỏ cuốn sổ vào túi.

Nhiều đêm sau đó Fred và Hiếu cùng nhau đọc cuốn sổ. Đó là nhật ký của một Việt Cộng, chính là nữ bác sĩ đứng đầu cái bệnh viện nhỏ mà đơn vị Fred cần vào (tr. 21).

“Rồi như một định mệnh, mấy tháng sau Fred nhận được cuốn nhật ký thứ hai của nữ bác sĩ, cũng do Nguyễn Trung Hiếu đem về... (tr.22)”.

“Một đêm, trong khi chờ trận đánh mở màn, Fred ngồi cạnh một người lính Mỹ. Hai người kể cho nhau nghe những trận đánh mà họ đã trải qua. Người lính nọ kể cho Fred nghe một trận đánh lạ lùng mà anh ta đã tham dự. Đó là trận đánh không cân sức giữa 120 lính Mỹ với một người phụ nữ. Anh tả lại người con gái nhỏ nhắn với chiếc túi vải bạt trên người, trong bụng vài quyển sổ nhỏ có vẽ những sơ đồ vết thương và phác đồ điều trị. Fred sửng sốt hiểu rằng anh đang được nghe kể về những giây phút cuối cùng của tác giả cuốn nhật ký đã ám ảnh anh mấy tháng nay. Liệu đó có phải là sự thật?” (tr. 258).

“Năm 1972, Fred được rời Việt Nam và trở về Mỹ. Trong hành lý của anh có những kỷ vật nặng trĩu của chiến tranh: Hai cuốn nhật ký của nữ bác sĩ... (tr. 22)”. Đầu năm 2005, hai tập nhật ký (bản chụp) được chuyển đến gia đình cô Thùy Trâm. Khoảng tháng 4 năm 2005 quyển “Nhật Ký Đặng Thùy Trâm” được phát hành.

3- Nội dung quyển nhật ký, những phản tác dụng tuyên truyền.

Cô Đặng Thùy Trâm, người Hà Nội, cha là bác sĩ, mẹ là dược sĩ, là sinh viên chuyên khoa mắt, chữa ra trường, nhưng xung phong vào chiến trường miền Nam, năm 1966. Đúng ra, cô không thuộc diện phải vào Nam, nhưng người yêu của cô, anh M. là chiến sĩ thuộc một đơn vị bộ đội đang chiến đấu tại Quảng Ngãi, cô xin vào Quảng Ngãi, mục đích để tìm gặp M. Cô được điều về phụ trách một bệnh xá ở Quảng Ngãi, nhưng người yêu thì chỉ được gặp vài lần.

- “Ba năm qua hai đứa chỉ gặp nhau hai lần, mình và M. đều cảm thấy buồn khi nghĩ đến tình yêu” (tr. 214).

Đến năm 1970, cô bị quân đội Mỹ phục kích bắn chết.

Trong thời gian trong Nam, cô thường viết nhật ký. Toàn thể cuốn nhật ký là những ghi chép những việc xảy ra chung quanh, cùng với những suy nghĩ, tâm tình của cô. Những sự kiện thường được lặp lại (địch cần, thương binh, bạn bè...) khiến người đọc có thể bị chìm đắm trong chi tiết, chúng tôi xin được rút ra những điểm chính cần lưu ý sau đây.

a - Chiến tranh ác liệt.

- “Những tháng đầu năm 1970 - Anh Nguyễn Văn Thông, nguyên y tá, nhân viên của chị kể - lúc đã giành lại được các địa bàn bí mật sau thất bại Tết Mậu Thân, địch huy động lực lượng khổng lồ mở chiến dịch làm cỏ tỉnh Quảng Ngãi. Dưới đồng bằng, lính thủy đánh bộ từ biển đổ vào cùng các cánh quân theo quốc lộ 2 quét từng ngôi nhà. Trên rừng, lính dù tiếp đất từ hàng trăm trực thăng, giăng thành hàng cắt từng mảng đồi, ô trống. Tình hình chưa bao giờ căng thẳng, ác liệt đến thế. Bệnh xá bị trúng pháo. Chị Trâm chỉ huy mọi người sơ tán thương binh xuống các hầm ngầm. Đó là ngày 19.6. Ba hôm sau chị dẫn nhóm cán bộ bốn người xuống núi tìm địa điểm mới ở khu rừng Ba Khâm, huyện Ba Tơ để di chuyển cơ quan. Và tai họa xảy ra. Cả tốp sa vào ổ phục kích. Cuộc chiến không cân sức kết thúc lúc 4 giờ 15 phút. Chỉ có một người sống sót. Chị Trâm đã anh dũng hi sinh...”. (tr. 312).

- “... Mà Đức Phổ lúc bấy giờ là một trong những huyện ác liệt nhất ở chiến trường khu Năm. Sư đoàn Không Vận số 1 Mỹ quần nát ở đó, rồi Lữ 196 Mỹ, sư Dù 101 Mỹ, có thời gian cả bọn Sư 25 Anh Cả Đổ Mỹ cũng ra đó. Rồi Rồng Xanh, Bạch Mã, Nam Triều tiên, rồi Sư 2, Sư 22, Sư 23 nguy, Thủy quân lục chiến, Dù nguy, chẳng thằng nào thiếu mặt ở đấy. B 52 dầm nát một vùng bán sơn địa ngang dọc chỉ vài chục cây số... Nghe nói chị có người yêu vào chiến trường trước mấy năm, đứng chiến trường Quảng Ngãi, cho nên khi tốt nghiệp trường Y chị xung phong vào Nam ngay, vào đúng tỉnh Quảng Ngãi và được phân công về phụ trách bệnh xá huyện Đức Phổ. Không hiểu vì sao, vào chiến trường rồi, hai anh chị lại không khăng khít với nhau nữa”. (Nguyễn Ngọc, tr.298).

Ông Nguyễn Ngọc vợ ngay thơ, làm như không biết rằng: Ngay trong thời bình, đảng Cộng Sản không bao giờ chấp nhận kiểu tình cảm lãng mạn, tiểu tư sản trong tổ chức. Chuyện yêu đương, vợ chồng phải do đảng đứng ra tác hợp sau khi xét lý lịch đến ba đời của hai người. Họ cấm anh M. đi gặp người yêu là cô thùy Trâm, có thể họ sợ, gặp nhau thường xuyên, khăng khít, cả hai sẽ cùng nhau đào ngũ theo địch. Quá gian khổ, hiểm nguy nên trong cuộc chiến vừa qua, số cán bộ, đảng viên, bộ đội hồi chánh (đầu hàng) tính đến hàng trăm nghìn.

Cuộc chiến ác liệt như đã mô tả thì chuyện cô Thùy Trâm bị tử thương là không thể tránh được.

b - Cán bộ đảng viên hèn nhát, bỏ rơi thương binh.

- “Chúng mình đang sống trong những ngày căng thẳng tột bậc. Bệnh xá đã bị đánh phá, địch tiếp tục uy hiếp dữ dội bằng đủ loại máy bay. Nghe tiếng máy bay quần trên đầu mình thấy thần kinh căng thẳng như một sợi dây đàn lên hết cỡ.

Không có cách nào giải quyết khác hơn là mình vẫn phải ở lại cùng anh em thương binh. Buồn cười thay đồng chí chính trị viên của bệnh xá từ chối không dám ở lại cùng mình trong tình huống này.” (tr. 253).

- “Tất cả lực lượng khiêng thương binh đều chưa về đây. Nhìn lại còn năm cas phải khiêng mà chỉ có mình, Tám và mấy đứa học sinh đợt 1 đang chuẩn bị đi về .

- “Không thể bỏ thương binh được, phải cố gắng hết sức mình khiêng thương binh, các đồng chí ạ!”.

Mình nói mà lòng thấy bần khoăn khi trước mắt mình chỉ là mấy đứa thiếu nhi gầy ốm, mảnh khảnh...

Một giờ sau mới tập trung đông đủ được số thương binh, chỉ thiếu mình Vận, còn cán bộ thì vắng chín đồng chí” (tr.146 - 147).

- “Đến hôm nay vẫn không thấy ai qua. Đã gần mười ngày kể từ hôm bị bom lần thứ hai. Mọi người ra đi hẹn sẽ trở về gấp để đón bọn mình ra khỏi khu vực nguy hiểm mà mọi người nghi là điệp đã chỉ điểm này. Từ lúc ấy, những người ở lại đếm từng giây, từng phút. Sáu giờ sáng mong cho đến trưa, trưa mong cho đến chiều... Một ngày, hai ngày... rồi chín ngày đã trôi đi mọi người vẫn không trở lại!” (tr.255).

Nếu có ai hỏi người đảng viên cộng sản: Thương binh là gì? Nhiệm vụ đối với thương phải như thế nào? Thì đồng chí đảng viên sẽ nói như người thương binh là ruột thịt của đồng chí, tưởng chừng như có địch xuất hiện thì đồng chí sẽ lấy thân che chở cho thương binh trước mũi súng của quân thù. Nhưng sự thật thì nguy hiểm chưa tới mà đồng chí ta đã lặn đầu mất tiêu tự bao giờ!

Xin người đọc lưu ý là trong chiến tranh, thương binh Việt Cộng (miền Bắc hay miền Nam) đều bị bỏ rơi. Thuốc men, nhân sự cứu thương đều thiếu thốn. Không cách nào vận chuyển thương xuyên thương binh vì không có hậu cứ an toàn. (Hai hoặc bốn người khiêng một thương binh, tối thiểu một người bảo vệ và mở đường. Như vậy với một thương binh có từ ba đến năm chiến sĩ bất khiển dụng). Không thể chuyển thương binh về Bắc vì không phương tiện. Thương binh chiến đấu trong miền Nam không hề thấy trên miền Bắc. Ngay cả tù binh được trao trả cũng không được ở lại miền Bắc mà phải tiếp tục vào lại trong Nam chiến đấu. Họ sợ địch gài gián điệp, sợ những người này kể lại sự gian khổ, ác liệt của chiến tranh, những chết chóc do bom đạn (nhất là B52) gây ra, về những người bạn đồng ngũ không còn nữa... Những điều này sẽ làm lộ sự giả trá của họ trong tuyên truyền, làm mất tinh thần những người sắp bị đưa vào Nam chiến đấu.

c - Cán bộ, đảng viên phịa, phét lác.

- “Em Hoàng 14 tuổi trong sáu tháng đầu năm giết được 6 lính Mỹ, đánh lật hai xe

Truyện tình bên sông

(Cổ và Kim)

Cổ:

Quân tại Tương giang đầu
Thiếp tại Tương giang vĩ
Tương tư bất tương kiến
Cộng ẩm Tương giang thủy.

Dịch:

Chàng ở đầu sông Tương
Thiếp ở cuối sông Tương
Nhớ nhau mà không thấy
Cùng uống nước sông Tương.

Kim:

Anh ở đầu sông em cuối sông
Thương em anh khoái thú ị đồng
Mức nước đem về em nấu nướng
Có mùi thum thum em biết không?

Em ở đầu sông anh cuối sông
Nhớ anh em thả cứ... xuôi dòng
Bên bờ sông vắng chiều nghiêng nắng
Nhìn cứ... bênh bồng nhớ em không?

Anh ở bên này sông, em bên kia sông
Nhớ nhau cùng đứng đá... bên dòng
Như nước mưa Ngâu trời tháng bảy
Lũ lụt dâng cao, ngập cánh đồng.

Ong Vũ

tăng bằng vũ khí tự tạo, lấy được 7 súng giặc trong đó có 2 cối cá nhân và các loại khác”.

- “Em An Phổ Châu lấy 5 súng, có 2 cối cá nhân, một đài RC.” (tr. 83).

Điều bí hiểm là cô Thùy Trâm lại tin là thật đến nỗi ghi vào nhật ký!

- “Nhân vật chính của Phim, anh Tư Thắng, người thuyền trưởng dũng cảm phi thường đã hàng trăm lần vượt qua cái chết, đưa hàng trăm chuyến tàu chở đầy vũ khí đạn dược chi viện cho miền Nam đánh Mỹ...” (tr.300).

- “Hai giờ chiều hôm ấy mười mấy anh em thủy thủ xơ xác chúng tôi đến được bệnh xá của chị Trâm. Chị không nói gì nhưng biết chúng tôi là dân đường mòn bí mật Biển Đông và coi chúng tôi là những người anh hùng”.

Chị bảo:

- “Các anh phải ở lại đây đã, chưa được đi đâu hết. Phải chữa cho lành các vết thương. Rồi bồi dưỡng cho lại sức, để còn leo Trường Sơn.

Bệnh xá đói, chị Trâm và các nhân viên của chị cũng đói. Nhưng chúng tôi vẫn được nuôi rất chu đáo.

Chúng tôi ở lại chỗ chị Trâm đúng một tháng rồi bắt liên lạc, theo đường dây dọc Trường Sơn trở ra Bắc”. (tr.298 - 299).

Trong đoạn trên, bạn đọc thấy có hai điểm cần lưu ý:

- “Anh Tư Thắng... đã đưa hàng trăm chuyến tàu... (rồi) theo đường dây dọc Trường Sơn trở ra Bắc”.

Bấy giờ cô Thùy Trâm đi từ Bắc vô Nam là ba tháng. Đi ngược lại, từ Nam ra Bắc cũng phải ba tháng. Đi một trăm chuyến, Tư Thắng phải cần 300 tháng, tức 25 năm. Tính từ tháng 7 năm 1959 khi lập đường vận tải trên biển 759, thì phải đến năm 1984, Tư Thắng mới xong 100 chuyến!

- Tại sao Tư Thắng dùng tàu chở vũ khí vào Nam xong không theo tàu trở ra Bắc? Tàu đầu mà phải đi bộ ra Bắc?

Trong tập “Tản Mạn Nhớ Quên” của Nguyễn Ngọc có đoạn viết.

- “Lúc này anh Vinh nói:

- “Ta len vào đến đây, tàu địch đã giăng hai lớp sau lưng rồi, phải nói thật điều này: khả năng tàu ta thoát ra khơi được rất ít. Chắc đến 90% là phải chiến đấu. Có thể hi sinh lớn...”

Một lát sau, lại nhận được điện lữ đoàn thông báo tàu anh Tư Thắng ở Quảng Ngãi và tàu anh Ba Râu ở Trà Vinh đang bị địch đánh.

Anh Vinh bảo:

- Ta cũng sẵn sàng đi thôi.

Chúng tôi bắt đầu quay tàu ra. Biển ở đây luồng lạch rất ác, có một rạch sâu bề ngang đúng 40 mét, chỉ cần lệch một chút là tàu cứ lên bãi san hô ngay. Hai chiếc tàu địch đã án ngữ ngay giữa luồng. Anh Vinh hét lệnh chiến đấu. Vừa nổ súng vừa tiến. Chuyến này tôi đứng máy số một. Nghe lệnh Vinh, tôi vừa đẩy cần ly hợp tiến thì nghe toàn tàu rung lên dữ dội. Địch tập trung bắn ngay vào khoang máy quyết liệt. Trên boong, ta cũng nổ tất cả các cỡ súng... Mười phút, máy tàu ta tê liệt. Anh Trương Văn Mùi, máy trưởng, đứng cạnh tôi, bị trúng một viên vào ngực, hi sinh ngay, ngã vào cần gạt, khiến tàu dạt luôn vào bờ.

Các tàu địch áp lại, lúc này có đến hàng chục chiếc.”. (tr. 352 - 353 Tản Mạn Nhớ Quên).

- “Bấy giờ đi là chấp nhận mất đối mặt với kẻ thù. Kẻ thù ở đây là hạm đội 7 Mỹ hùng mạnh, hải quân ngụy miền Nam trong thực tế cũng mạnh hơn hải quân ta, và hệ thống kiểm soát ven biển chẳng chặt của chúng.

1968. Rồi 1969. Thực tế là các bến bãi ngang Khu 5 đã hoàn toàn bế tắc. Vào đó chỉ có hi sinh mà không làm gì được nữa”. (tr.365 TMNQ).

Xem như thế thì anh Tư Thắng làm sao đi hàng trăm chuyến tàu vào Nam? Anh Tư Thắng mà biết mình bị phía, chắc cũng đổ mặt, không dám gặp ai vì mắc cỡ!

Cô Thùy Trâm đã chết rồi, vậy mà cũng bị gán cho những hành động anh hùng mà cô không hề làm.

- “Anh Tâm, bí thư huyện ủy Đức Phổ hiện nay cho biết anh được nghe kể lại trước khi hi sinh chị còn hô vang Hồ Chí Minh muôn năm. Đã đảo đế quốc Mỹ.

Tôi cũng không rõ đó là sự thật, hay chỉ là một huyền thoại”. (tr. 258).

Đang đi, bị phục kích, bốn người chết hết ba. Người thoát chết nhờ nhanh chân chạy trước, ai ở đó mà nghe cô Trâm hô khẩu hiệu?! Mấy tên đế quốc Mỹ phục kích thì không biết tiếng Việt! Hơn nữa, ngay trang 258, trên đó vài giòng, có nói rõ.

- “Có một điều chắc chắn là chị tôi hy sinh trong tư thế đương đầu với giặc. Một vết đạn sâu hoắm, ghim ngay giữa trán chị - điều này khi mẹ và tôi lên vùng Ba Tơ để đưa chị về, tôi đã nhìn thấy”. (tr.258).

Bị bắn ngay trán mà còn phải hô hai câu khẩu hiệu dài như vậy. Anh Tâm, bí thư huyện Đức Phổ quả đã ép cô Thùy Trâm làm một việc quá sức mình!

Người đảng viên cộng sản nào cũng được trang bị một cái cassette trong đầu và ba cái lưỡi, trơn như bôi mỡ, trong miệng. Một cái lưỡi để chửi, một cái lưỡi để ca tụng và một cái lưỡi để động viên. Cái lưỡi chửi đôi khi phối hợp với cái lưỡi ca tụng để biến đen thành trắng. Chẳng hạn (cái lưỡi) chửi người Việt trốn ra nước ngoài là đi điếm, theo liếm gót giày đế quốc thì ít lâu sau (cái lưỡi) ca tụng là Việt kiều yêu nước, khúc ruột ngàn dặm. Hoặc đang ca tụng biến thành chửi như ca tụng Trung Cộng là đàn anh, môi hở răng lạnh, tình hữu hảo đời đời bền vững thì ít lâu sau chửi Trung Cộng bá quyền nước lớn, đi xâm lăng nước nhỏ. Còn cái lưỡi động viên có nhiệm vụ phụ họa với hai cái lưỡi kia, kích động người khác lẫn vào lửa đạn, còn đồng chí đảng viên thì rút về phía sau tiếp tục động viên những người kế tiếp, “trùng trùng đoàn quân tiến bước theo con đường của Bác”.

d - Trẻ con bị bắt lính.

- “Từ mười tuổi đầu, Luân đã biết làm cách mạng... Rồi mới mười lăm tuổi đầu em cầm súng...”. (tr.61 NKDIT).

- “Tôi biết trong các anh có rất nhiều và rất nhiều người quê ngoài miền Bắc... Hôm nọ, gặp mấy chàng trinh sát trẻ măng nước da trắng dưới lớp lông măng trên má, chắc rằng đó là những học sinh cấp hai”. (tr.152).

Không phải chứng minh nhiều. Các tù binh quân Bắc Việt, đa số là trẻ em. Đặc biệt trong trận Mậu Thân, trẻ em miền Bắc đầu hàng nhiều vô số. Điều này cho thấy là quân đội miền Bắc thiệt hại rất nhiều, phải đưa trẻ con cầm súng vào Nam. Cô Thùy Trâm cũng từng ghi trong nhật ký là “hàng triệu người đã hi sinh” Không ai cho cô biết con số đó, nhưng chung quanh cô, ai cũng chết cả, chính cô cũng chờ giây phút ấy trong tuyệt vọng.

e - Tình mẹ con.

- “Đường đã bị bắt sống trên đường công tác... Một giọng hát buồn từ đâu văng vẳng bên tai mình: “Lòng mẹ bao la như biển thái bình rạt rào. Lời ru êm ái như giòng suối hiền ngọt ngào”. Lời hát của Đường trong buổi tối hôm xưa hay lời

Phượng Pháp

Tri bệnh “ngáy”.

Trong buổi họp thân hữu hội “Ve Chai”. trong khi quý “đần ông” say sưa, bù khú, cụng ly cụng tách dzô... dzô, thì quý vị phu nhân cũng tùm tùm lại để tâm sự, trao đổi với nhau những kinh nghiệm “bắt nạt” chồng.

Bà A than thở:

- Chồng tôi cái gì cũng được cả, chăm chỉ, biết chiều vợ thương con, tính tình hòa nhã, dễ thương, chỉ bị mỗi cái tật ngáy . . . ngáy quá! . . . ngáy như bò rống! . . . nhiều đêm tôi giật mình thức dậy rồi thức trắng luôn đến sáng, không tài nào ngủ được.

Bà B lên giọng chỉ bảo:

- Tôi đã nói với mấy chị rồi, kinh nghiệm của tôi đây, cứ mua cái nút “vú Giả” của con nít, đem ngủ nhét vào miệng cho mấy ông ấy ngậm là êm chuyện.

Bà C phản đối:

- Chị làm như dễ lắm ấy! tôi có thử nhiều lần rồi, chỉ được hai ba đêm đầu thôi bà ơi! . . . Mấy bữa sau mấy ông ấy cũng biết, ngậm được vài ba phút cũng lại nhằn nhằn rồi lè ra . . . ngáy tiếp . . . Mấy chị biết không? bực mình, sau cùng tôi nhét đại “vú thật” vào miệng cho mà ngậm, thế là êm chuyện, từ đó đến nay quen cái tật cứ ngậm vú là ngủ suốt đêm, nhưng được cái hết ngáy.

Bà A thở dài:

- Mấy chị xúi dại, em cũng đã thử cách của chị rồi, ông chồng em đâu phải chỉ ngáy không thôi đâu! . . . ông ấy còn nghiến nữa!!!

Ong Bâu phóng tác.

than đau xót của Đường trong ngục tối mà lúc Đường nghĩ đến người mẹ già đã suốt đời cặm cụi nuôi con, đặt tất cả niềm tin, hi vọng vào đứa con cưng ấy?

... Ôi nếu mình ngã xuống, má mình cũng sẽ như bà mẹ ấy thôi”. (tr.41).

- “Mười lăm tuổi, Thiện đòi đi bộ đội, mẹ nó không cho nhưng Thiện đã nói là làm...”

Nước mắt chị từng giọt rơi trên chiếc áo màu xanh lá cây bạc màu và đôi vai đã sờn vì nhiều lần mang công.

Thiện xin đơn vị về nhà mười ngày. Mười ngày làm sao cho đủ với người mẹ ấy. Như một đám ruộng khô hạn giữa mùa hè, một gàu nước mát thấm thía vào đâu? Chị không cho Thiện về đơn vị nữa.

- “Không đi đâu nữa hết. Có chết mấy chết ở đây tao cũng thỏa mãn. Làm cách mạng ở đâu cũng được. Tao không để mấy đi nữa đâu...”. (tr.185).

g - Tâm tình tác giả quyển nhật ký.

- Nhân hậu.

- “Với tôi, Thùy Trâm là người con gái vô cùng đặc biệt. Nhân hậu, đảm thắm, luôn quan tâm đến người khác... Cuộc sống của tôi vất vả, phải đi cày ruộng thuê

mới có tiền đi học và giúp bố mẹ nuôi các em, bố tôi bao lần bảo tôi nghỉ học... Ai nói, bố tôi cũng không nghe, riêng Trâm thuyết phục lại được. Nhờ vậy, tôi được tiếp tục đi học...

Có lần, tôi nhớ lúc sắp tốt nghiệp cấp III, Trâm đưa một gói bọc giấy báo vương vấn, giở ra tôi sững sờ, xúc động lặng cả người: một chiếc áo sơ mi mới toanh, sáng màu và có cổ. Đây là chiếc sơ mi có cổ lần đầu tiên tôi được mặc trong đời thanh niên". (tr.318).

Đọc suốt tập hồi ký, ta thấy cô Thùy Trâm hầu như không bao giờ rời những người thương binh của mình, chỉ trừ khi đi tìm nơi đi chuyển thương binh hoặc đi tìm thuốc men lương thực cho họ. Những lần bị địch dội bom hay đi càn, cô đều có mặt bên cạnh, sẵn sàng đem thân che chở cho thương binh. Một ca mổ thất bại (không tìm ra mạch máu bị đứt trong ổ bụng), dù người khác xác nhận, cô cũng bị dẫn vật, ân hận mãi. Khi một thương binh chết, cô khóc vì tiếc thương. Nhưng với một bệnh xá lưu động lúc nào cũng lo chạy càn, thuốc men, lương thực thiếu thốn, dù cô có làm hết sức mình cũng không cứu vãn nổi!

- Ngây thơ.

Như đã trình bày, cô Thùy Trâm xin vào Nam là để được gần người yêu là anh M. Cô cứ tưởng như người ta hứa là vào Nam sẽ được bố trí công tác gần M. Biết bao học sinh, thời bấy giờ, cũng học tập, phát biểu, hò hét là sẽ vào miền Nam đánh đuổi đế quốc Mỹ, nhưng khi tuyển binh thì chẳng ai xung phong, trừ những cậu nằm trong diện nghĩa vụ, tức là phải đi lính vào Nam.

- "... mới năm trước không thiếu người luôn mồm kêu thiết tha đi B. Nhưng bây giờ, đến lúc cần thì họ tìm đủ cách để trốn tránh". (tr.306).

Con ông cháu cha, tức là con đảng viên cấp cao, cũng hăng hái "xung phong" vào Nam, nhưng lên xe, đến khoảng Đồng Hới là được khám bệnh và xác nhận bệnh truyền nhiễm như ho lao hoặc không đủ sức khỏe... Vậy là các cậu ấm này được bí mật đưa trở ra miền Bắc, tức khắc (bí mật) lên máy bay du học Liên Xô hoặc các nước cộng sản Đông Âu.

Mà khi đã vào Nam là không có cách nào "B. quay", nghĩa là trốn ra miền Bắc được.

- Nhớ nhà.

Cô Trâm là con nhà tiểu tư sản (cô xác nhận như vậy trong nhật ký), cha là bác sỹ, mẹ được sỹ, sống sung sướng, chỉ biết đi học (để làm bác sỹ), ca hát, làm thơ, mơ mộng và yêu. Cô chưa hề biết gian khổ là gì. Đến khi xa nhà, vào tận miền Nam xa xôi, nguy hiểm, cô hối hận thì không còn kịp nữa! Người yêu thì không được gặp, cô chỉ còn lại hình ảnh gia đình với những giây phút hạnh phúc với cha mẹ, các em và bạn bè. Một lá thư từ miền Bắc vào đến miền Nam phải đi trong sáu tháng.

- "Mưa vẫn cứ rơi hoài. Mưa càng thêm buồn thấm thía và mưa lạnh làm cho người ta thêm khát vô cùng một cảnh sum họp của gia đình. Ước gì có cánh bay về căn nhà xinh đẹp ở phố Lò Đúc để cùng ba má và các em ăn một bữa cơm rau muống và nằm trong tấm chăn bông ấm áp ngủ một giấc ngon lành.". (tr.54).

- "Nghe anh Tuấn ra lệnh: "Tất cả ba lô lên đường!".

Những chiếc ba lô vụng về may bằng những tấm bao Mỹ gọn gàng trên vai, mọi người còn nấn ná đứng lại trước mình bắt tay chào mình một lần cuối. Bỗng dưng một nỗi nhớ thương kỳ lạ đối với miền Bắc trào lên trong mình như mặt sóng những ngày mưa lũ và... mình khóc ròng đến nỗi không thể đáp lại lời chào của mọi người. Thôi, các anh đi đi, hẹn một ngày gặp lại trên miền Bắc thân yêu.". (tr.34).

- "Những ngày này nhớ nhà vô kể, trong gió rừng mình nghe tưởng như khóm mía sau nhà đang xáo xác trở mình cọ lá vào nhau. Năng hè chói chang, mình tưởng như đang cùng bạn bè học tập và vui đùa trong những chiều hành lang đầy nắng ở bệnh viện Bạch Mai.". (tr.60).

- "Nhớ Hà nội, nhớ ba má và các em vô kể, vừa chợp mắt giữa trưa mình đã thấy mình về gặp má và em trong ngôi nhà ở trường Cán bộ Y tế...". (tr.43).

- Tình yêu.

Thùy Trâm và M. yêu nhau từ thuở học trò, một lần M. tỏ tình với một cô gái khác, Cô Thùy Trâm biết được và giận M., chờ M. xin lỗi. Tuy vậy cô vẫn yêu M., bằng chứng là cô xung phong vào Nam, hi vọng được gần M.

- "M. ơi, Th. biết nói gì với M. đây? Vẫn thương yêu M. vô hạn nhưng tình thương trộn lẫn giận hờn trách móc..."

Nghe M. đau nặng, buồn thương M. quá đỗi. Giá có Th. bên cạnh, Th. sẽ chăm sóc M. như vai trò mà người ta đã định cho chúng ta... Một cái gì giống như linh cảm bảo với Th. rằng rồi sẽ không được gặp M. nữa, lần chia tay ấy sẽ là lần cuối cùng. M. đứng nhìn theo, Th. đi không ngoái lại...". (tr.45).

- "Không đâu, mình không bao giờ chịu một tình yêu chấp vá, và M. cũng không phải là kẻ chịu van xin mình tha thứ để được một tình yêu chấp vá. M. nói rằng anh không hề phạm một sai lầm nào dù nhỏ đối với mình, đó là một lời không thực, chính buổi chia tay nhau cách đây tám năm về trước M. đã nhận sai lầm là tại sao lại ngộ tình yêu với một người con gái mà anh biết không nên đặt vấn đề yêu đương và xây dựng gia đình...". (tr. 59).

- "Đêm nay mở lại những trang thư cũ lòng biết bao cay đắng xót xa. M. ơi, nét chữ anh chừa nhòa trên trang giấy mà sao hình ảnh anh phai nhòa trong cuộc sống của em. Anh đã chôn vùi một mối tình đẹp đẽ, anh đã làm trái lại điều mà em nâng niu trân trọng suốt tám năm ròng". (tr.88).

- "Một chiếc bật lửa Mỹ có khắc tên mình cạnh tên người đồng chí thân yêu. Anh Đáo đưa nó cho mình và hỏi ai khắc. Mình cười vô tư rồi trả lại cho anh nhưng lúc ra về mình cảm thấy nao nao. M. ơi! Anh khắc tên em bên cạnh tên anh là vì sao? Vì những ngày xửa thơ mộng, vì tình thương yêu đậm thắm nơi anh vẫn còn...?". (tr.170).

- "Ba năm qua hai đứa chỉ gặp nhau hai lần, mình và M. đều cảm thấy buồn khi nghĩ đến tình yêu". (tr.214).

Từ ngày cô Thùy Trâm vào Quảng Ngãi đến khi qua đời, cô chỉ được gặp người yêu có hai lần. Người cộng sản quá khắc nghiệt, tàn nhẫn với anh M. và cô Thùy Trâm. Tại sao họ không nghĩ rằng cả hai có thể chết bất cứ lúc nào. Họ ganh tỵ với mối tình đẹp đẽ đó? Họ muốn cả hai phải chết trong chia ly, trong đau khổ vì không được gặp nhau? Cô Thùy Trâm đã không màng gian khổ, hiểm nguy, xung phong vào chỗ chết để tìm gặp anh M. Đáng lẽ, phải cho họ chiến đấu bên nhau như một đặc ân, một sự đền ơn, để họ được chết bên nhau, vì với tính chất ác liệt của cuộc chiến, trước sau gì họ cũng như các đồng đội, sẽ lần lượt ngã xuống trên chiến trường.

Vậy mà cô Thùy Trâm vẫn giữ nguyên mối tình chung thủy đó, luôn "tuyệt sạch giá trong". Trong suốt tập nhật ký, bao giờ cô cũng cảnh giác, giữ mình. Đôi khi cô có xao xuyến với người này, người kia, nhưng chỉ thoáng qua, như tình chị em, như tình đồng đội. Cô lo lắng đến sự an nguy của họ như với những người thân yêu, ruột thịt mà thôi. Khi nằm hầm chỉ có hai người nam nữ, làm gì cô cũng kéo thêm một người thứ ba xuống hầm. Chiến tranh, cái chết cận kề, mạng sống chắc gì giữ được, biết ngày mai ra sao? Giữ gìn để làm gì? Vậy mà không bao giờ cô xao xuyến, không hề có một ý tưởng vẩn đục, buông thả.

Hồn trinh nữ rất linh thiêng.

Câu cho cô được về cõi bình an, không có chiến tranh, không có đối trá, tàn nhẫn, vô nhân.

*

Để chấm dứt, tôi xin trích mấy giòng của cô Đặng Kim Trâm, em gái cô Thùy Trâm, muốn nói với anh Nguyễn Trung Hiếu, Thượng sỹ Quân Lực VNCH, thông dịch viên.

- "Tôi xin cảm ơn Thượng sỹ Nguyễn Trung Hiếu, người đã cứu cuốn nhật ký của chị tôi khỏi quẳng vào đống lửa bởi anh đã nhận ra trong cuốn sổ này đã chứa đựng lửa rồi để anh trao lại nó cho Fred như một lời ủy thác từ chị tôi. Anh Hiếu ơi, anh ở đâu? Nếu đọc được những giòng chữ này xin anh hãy lên tiếng, cho chúng tôi được nhìn vào mắt anh - để nói với nhau rằng tiếng nói của tình yêu và khát vọng hòa bình có thể vượt qua mọi chiến tuyến để đến với những trái tim tốt lành". (tr.27).

Lệ Lý